

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2027
XÃ LONG PHỤNG

Đvt: Triệu đồng

[illegible]

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		Ước thực hiện thu năm 2026		Dự kiến thực hiện thu năm 2027		So sánh Dự toán năm kế hoạch/Ước thực hiện năm hiện hành(%)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng
<i>A</i>	<i>B</i>		<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=7/5</i>	<i>10=8/6</i>
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí										
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước										
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí										
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.992,18	1.416,36	6.160,00	6.060,00	5.310,38	5.310,19	10.841,00	8.341,00	204,15	157,08
	- Thuế giá trị gia tăng	3.219,60	243,08	5.150,00	5.150,00	4.500,00	4.500,00	4.950,00	4.950,00	110,00	110,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	425,23		810,00	810,00	810,00	810,00	891,00	891,00	110,00	110,00
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2,04	0,63								
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước	-									
	- Thuế tài nguyên	2.345,30	1.172,65	200,00	100,00	0,38	0,19	5.000,00	2.500,00		
5	Lệ phí trước bạ	2.941,32	369,55	5.200,00	5.200,00	5.200,00	5.200,00	5.720,00	5.720,00	110,00	110,00
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp										
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	198,04	198,04	180,00	180,00	180,00	180,00	200,00	200,00	111,11	111,11
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.585,86		1.050,00	1.050,00	1.050,00	1.050,00	1.155,00	1.155,00	110,00	110,00
9	Thuế bảo vệ môi trường										
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu										
10	Phí, lệ phí	734,19	174,15	700,00	700,00	200,00	100,00	110,00	110,00	55,00	110,00
11	Tiền sử dụng đất	7.207,18	-	6.000,00	5.100,00	3.000,00	850,00	4.000,00	1.500,00	133,33	176,47
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý										
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý					-	-				
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	383,83		250,00	213,00	250,00	213,00	275,00	233,00	110,00	109,39
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển										
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương										
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương										
14	Thu từ bán tài sản nhà nước										
	Trong đó: - Do trung ương quản lý										
	- Do địa phương quản lý										
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước										
	Trong đó: - Do trung ương xử lý										
	- Do địa phương xử lý										
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	12,00									
17	Thu khác ngân sách	1.944,03	1.770,91	150,00	120,00	1.090,00	50,00	150,00	120,00	13,76	240,00
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương			<i>30,00</i>							
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1,20	0,36			4,47	4,47			-	-

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		Ước thực hiện thu năm 2026		Dự kiến thực hiện thu năm 2027		So sánh Dự toán năm kế hoạch/Ước thực hiện năm hiện hành(%)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng
<i>A</i>	<i>B</i>		<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=7/5</i>	<i>10=8/6</i>
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	285,00	285,00	310,00	310,00	310,00	310,00	341,00	341,00	110,00	110,00
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)										
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)										
II	THU TỪ DẦU THỎ										
1	<i>Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng</i>										
1.1	Thuế tài nguyên										
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp										
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam										
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam										
1.5	Thuế đặc biệt										
1.6	Thu khác										
2	<i>Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng.</i>										
3	<i>Phụ thu về dầu, khí</i>										
4	<i>Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)</i>										
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu										
1	Thuế xuất khẩu										
2	Thuế nhập khẩu										
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu										
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu										
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam										
6	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện										
7	Phí, lệ phí hải quan										
8	Thu khác										
IV	Thu Viện trợ										
V	Các khoản huy động, đóng góp	2.377,98	2.377,98	-	-	400,29	400,29	-	-	-	-
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng	90,41	90,41								
2	Các khoản huy động đóng góp khác	2.287,57	2.287,57			400,29	400,29				

[illegible]

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2027
XÃ LONG PHỤNG

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện năm 2026	So sánh Ước thực hiện/Dự toán năm hiện hành (%)	Dự toán năm 2027	So sánh Dự toán năm kế hoạch so Ước thực hiện năm hiện hành (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I+II)	182.546	230.775	126,4	288.740	125,1
I	CHI CÁN ĐỔI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	144.146	137.233	95,2	183.955	134,0
	<i>Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)</i>					
1	Chi đầu tư phát triển	8.100	3.850	47,5	7.000	181,8
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)	8.100	3.850	47,5	7.000	181,8
	<i>Trong đó:</i>					
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn	8.100	3.850	47,5	7.000	181,8
-	Chi đầu tư từ XDCB vốn trong nước	3.000	3.000	100,0	5.000	166,7
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.100	850	16,7	2.000	235,3
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
-	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương					
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực	-	-		-	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
-	Chi khoa học và công nghệ					
-	Chi quốc phòng					
-	Chi an ninh					
-	Chi y tế, dân số và gia đình					
-	Chi văn hóa thông tin					
-	Chi phát thanh, truyền hình					
-	Chi thể dục thể thao					
-	Chi bảo vệ môi trường					
-	Chi hoạt động kinh tế					
-	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể					
-	Chi bảo đảm xã hội					
-	Chi khác					
2	Chi thường xuyên	133.163	130.500	98,0	173.296	132,8
	<i>Trong đó:</i>					
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	81.430	81.430	100,0	101.220	124,3
-	Chi khoa học và công nghệ					
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng ngân sách	2.883	2.883	100,0	3.659	126,9
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	38.400	93.542	243,6	104.785	112,0
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		21.790,08			
	TỔNG SỐ (A+B+C)	182.546	252.566	126	288.740	125

252565,51

